1. Phân tích cơ cấu và sự biến động của nguồn vốn

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Đầu năm (Tỷ ₫) | % so với tổng nguồn | Cuối kỳ (Tỷ ₫) | % so với tổng nguồn | Δ (Tỷ ₫) | Δ % |
| Tổng nguồn vốn | 80,00 | 100,00 % | 100,00 | 100,00 % | +20,00 | +25,00 % |
| 1. Nợ phải trả | 48,00 | 60,00 % | 65,00 | 65,00 % | +17,00 | +35,42 % |
| – Nợ ngắn hạn | 39,00 | 48,75 % | 55,25 | 55,25 % | +16,25 | +41,67 % |
| – Nợ dài hạn | 9,00 | 11,25 % | 9,75 | 9,75 % | +0,75 | +8,33 % |
| 2. Vốn chủ sở hữu | 32,00 | 40,00 % | 35,00 | 35,00 % | +3,00 | +9,38 % |

* Cơ cấu nguồn vốn:
  + Tỉ trọng nợ tăng từ 60 % lên 65 %, chủ yếu do nợ ngắn hạn tăng mạnh (+41,7 %), phản ánh doanh nghiệp tăng vay ngắn hạn để bù đắp nhu cầu vốn lưu động và đầu tư.
  + Vốn chủ sở hữu chỉ tăng nhẹ 9,4 %, dẫn đến tỉ trọng vốn chủ giảm từ 40 % xuống 35 %, cho thấy sự phụ thuộc lớn hơn vào nợ bên ngoài.
* Nguyên nhân biến động:
  + Tăng quy mô hoạt động (tổng tài sản từ 80 → 100 tỷ ₫) thúc đẩy nhu cầu gọi vốn.
  + Vay ngắn hạn tăng để tài trợ cho cả vốn lưu động (tăng từ 34 → 44 tỷ ₫) và đầu tư dài hạn phần nào.
  + Tăng vốn chủ chủ yếu đến từ lợi nhuận chưa phân phối (LN trước thuế tăng từ 4,05 → 4,50 tỷ ₫), nhưng tốc độ tăng không đủ cao để giữ ổn định cơ cấu.

2. Phân tích tình hình đầu tư và nguồn tự tài trợ

1. Quy mô đầu tư dài hạn
   * Tài sản cố định hữu hình tăng từ 42 → 50 tỷ ₫ (+8 tỷ ₫).
   * Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng từ 2,30 → 3,36 tỷ ₫ (+1,06 tỷ ₫).
   * Đầu tư dài hạn khác (ĐTTC dài hạn) tăng từ 1,70 → 2,64 tỷ ₫ (+0,94 tỷ ₫).
   * Tổng đầu tư dài hạn (sự tăng tài sản dài hạn) = 10,00 tỷ ₫.
2. Nguồn tài trợ đầu tư

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nguồn | Giá trị (Tỷ ₫) | % so với tổng đầu tư 10 tỷ |
| Lợi nhuận trước thuế (NăM N) | 4,50 | 45,0 % |
| Tăng vốn chủ sở hữu (phát hành hoặc giữ lại lợi nhuận) | 3,00 | 30,0 % |
| Tăng vay dài hạn | 0,75 | 7,5 % |
| Tăng vay ngắn hạn (phần tài trợ dài hạn) | 1,75 | 17,5 % |
| Tổng | 10,00 | 100 % |

* + Nguồn tự tài trợ gồm lợi nhuận trước thuế 4,50 tỷ và gia tăng vốn chủ 3,00 tỷ, chiếm 75 % tổng nhu cầu đầu tư.
  + Phần còn lại (25 %) được bổ sung bằng vay (chủ yếu nợ dài hạn và một phần chuyển đổi nợ ngắn hạn sang đầu tư dài hạn).

1. Đánh giá
   * Tỉ lệ tự tài trợ cao (75 %) cho thấy doanh nghiệp có khả năng huy động lợi nhuận và vốn chủ để đầu tư, giảm áp lực trả nợ.
   * Tuy nhiên, vẫn phải dựa vào vay (25 %), nhất là vay ngắn hạn được sử dụng một phần cho đầu tư dài hạn, tiềm ẩn rủi ro tái cấp vốn.
   * Với lợi nhuận trước thuế tăng (từ 4,05 → 4,50 tỷ) và doanh thu thuần tăng (từ 160,32 → 172,00 tỷ), công ty có dư địa cải thiện tự tài trợ nếu giữ vững tốc độ sinh lời và chính sách không chia cổ tức quá cao.

Kết luận chung

* Cơ cấu vốn đang dịch chuyển theo hướng tăng vay (đặc biệt là vay ngắn hạn), giảm tỉ trọng vốn chủ.
* Đầu tư dài hạn lớn (tăng +10 tỷ), nhưng phần lớn được tài trợ bằng nguồn tự có (lợi nhuận và tăng vốn), cho thấy chiến lược đầu tư chủ động và tiết kiệm chi phí vốn.
* Công ty cần cân đối hơn giữa vay ngắn hạn và dài hạn nhằm giảm rủi ro thanh khoản, đồng thời duy trì khả năng tự tài trợ qua việc cải thiện lợi nhuận và tích lũy quỹ.